



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.0236.3655886; Fax: 84.0236.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 273/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13/03/2017, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



(Handwritten signature)

Lâm Quang Vũ – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2017

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Khoa – Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Khoa – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2347-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.919.027.192.448	2.010.644.415.475
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	66.270.848.775	123.583.805.673
1. Tiền	111		66.270.848.775	113.583.805.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.500.000.000	23.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	13.a	49.956.667.408	49.956.667.408
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	13.a	(26.456.667.408)	(26.456.667.408)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.250.981.146.284	1.302.128.790.198
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.156.782.562.281	1.030.805.596.003
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	131.948.550.132	304.842.804.476
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	21.821.561.341	29.380.477.751
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(59.571.527.470)	(62.900.088.032)
IV. Hàng tồn kho	140	10	574.784.351.646	556.041.488.508
1. Hàng tồn kho	141		574.784.351.646	556.041.488.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.490.845.743	5.390.331.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.443.845.743	5.344.047.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	46.283.735
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		443.897.767.385	400.762.579.144
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		168.720.324.390	168.178.574.390
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	170.823.514.271	170.281.764.271
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8.b	(2.103.189.881)	(2.103.189.881)
II. Tài sản cố định	220		88.306.693.466	53.452.205.951
Tài sản cố định hữu hình	221	11	88.306.693.466	53.452.205.951
- Nguyên giá	222		699.954.323.274	670.165.062.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.647.629.808)	(616.712.856.971)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.741.834.974	3.805.615.221
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.741.834.974	3.805.615.221
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13.b	137.522.090.992	133.699.352.831
1. Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.560.000.000	4.560.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.123.160.000	60.764.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.519.001.382)	(49.982.579.543)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44.606.823.563	41.626.830.751
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	44.606.823.563	41.626.830.751
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.362.924.959.833	2.411.406.994.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.540.655.771.427	1.619.370.451.946
I. Nợ ngắn hạn	310		1.434.667.104.724	1.537.570.003.032
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	411.043.378.967	408.884.402.003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	157.240.866.846	399.379.344.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	22.624.394.414	37.903.267.726
4. Phải trả người lao động	314		54.295.377.596	68.580.814.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	27.554.667.147	32.823.857.441
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	109.960.997.289	36.930.943.917
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	642.384.862.290	545.876.697.163
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.562.560.175	7.190.675.065
II. Nợ dài hạn	330		105.988.666.703	81.800.448.914
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	58.292.475.120	58.292.475.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	47.696.191.583	23.507.973.794
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		822.269.188.406	792.036.542.673
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	822.269.188.406	792.036.542.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	50.066.521.921	49.978.068.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	21.320.000.000	21.320.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	241.860.662.161	213.404.765.798
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	81.698.894.324	80.010.598.875
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	478.246.124
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.698.894.324	79.532.352.751
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.362.924.959.833	2.411.406.994.619



Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	1.371.697.739.891	1.375.121.298.474
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	11.790.063.543	24.435.719.402
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.359.907.676.348	1.350.685.579.072
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.148.125.175.141	1.105.683.630.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>211.782.501.207</u>	<u>245.001.948.170</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.631.928.179	13.953.311.250
7. Chi phí tài chính	22	26	53.078.488.861	64.868.002.157
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.893.417.022	40.460.415.455
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	69.187.966.930	89.663.367.337
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>100.147.973.595</u>	<u>104.423.889.926</u>
11. Thu nhập khác	31	28	3.215.791.563	699.214.891
12. Chi phí khác	32	29	2.175.887.874	4.564.090.626
13. Lợi nhuận khác	40		<u>1.039.903.689</u>	<u>(3.864.875.735)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>101.187.877.284</u>	<u>100.559.014.191</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	19.488.982.960	21.026.661.440
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>81.698.894.324</u>	<u>79.532.352.751</u>



Tổng Giám đốc

Trần Văn Tấn

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.187.877.284	100.559.014.191
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	26.949.925.393	32.680.277.681
- Các khoản dự phòng	03		207.861.277	41.776.137.748
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.346.914.543)	(13.487.896.201)
- Chi phí lãi vay	06	26	48.893.417.022	40.460.415.455
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08		165.892.166.433	201.987.948.874
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.161.939.829	(260.599.576.448)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.679.082.891)	(76.760.575.645)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(243.742.236.048)	61.653.149.351
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	(3.026.992.812)	(2.114.472.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.759.926.016)	(40.459.124.088)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(21.015.677.463)	(15.992.061.571)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		488.453.921	20.330.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.850.506.402)	(7.558.366.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(125.531.861.449)	(139.822.747.762)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(56.465.232.908)	(11.163.419.091)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		1.363.636.364	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.007.810.000)	(34.464.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	25.590.909.091
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 25	10.631.928.179	15.617.589.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.477.478.365)	95.581.079.029
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	976.524.026.510	697.139.157.475
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(855.827.643.594)	(609.920.026.015)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(63.184.196.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		120.696.382.916	24.034.935.210
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(57.312.956.898)	(20.206.733.523)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	123.583.805.673	143.790.539.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	66.270.848.775	123.583.805.673



Trần Văn Tấn
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung